

NHẬN THỨC VỀ TOÀN CẦU HÓA QUA CUỘC ĐIỀU TRA THÁI ĐỘ NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

*Lê Tiến Ba**
*Vũ Minh Chi***
*Phạm Minh Hạc****

MỞ ĐẦU

Đối với người Việt Nam mới bước vào quá trình hội nhập, khái niệm “công dân toàn cầu”¹ còn tương đối xa lạ nhưng với những người Việt Nam sống ở nước ngoài đã trực tiếp trải qua một quá trình hội nhập quốc tế nhất định, toàn cầu hóa nói chung và “công dân toàn cầu” nói riêng sẽ được nhận thức như thế nào? nhận thức này có gì khác với người dân trong khu vực (Đông Á) ít nhiều có cùng bối cảnh văn hóa hay không? Nhằm làm sáng tỏ phần nào những câu hỏi đặt ra này, chúng tôi đã tiến hành điều tra khảo sát nhận thức, thái độ và quan điểm giá trị của hơn 300 người Việt Nam đang sống ở nước ngoài đối với vấn đề toàn cầu hóa và khái niệm công dân toàn cầu (trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu cấp nhà nước KX05.07 do GS.VS. Phạm Minh Hạc làm chủ nhiệm). Trong bài viết này, chúng tôi sẽ tiến hành phân tích kết quả cuộc điều tra này có so sánh đối chiếu với kết quả điều tra tương tự trên đối tượng sinh viên thuộc ba trường đại học ở Trung Quốc, Đài Loan và Nhật Bản².

* Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài.

** TS. Viện Nghiên cứu Con người.

*** GS.TSKH. Viện Nghiên cứu Con người.

¹ Tham khảo “*Vấn đề công dân toàn cầu trong bối cảnh hội nhập quốc tế*”, Tạp chí Nghiên cứu Con người, số 2/02.

² Do Hội nghiên cứu vấn đề toàn cầu hóa Sekuguchi Nhật Bản (SGRA) tiến hành.

I. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA MẪU ĐIỀU TRA

Số lượng đối tượng tham gia khảo sát phân theo khu vực

Nước, khu vực	Số người	Phần trăm
Campuchia	57	18,0
New York	81	25,6
Thái Lan	57	18,0
Úc	15	4,7
Pháp	50	15,8
San Francisco	29	9,1
Cộng hòa Séc	28	8,8
Tổng cộng	317	100,0

Độ tuổi

Đối tượng có độ tuổi từ 19 đến 84, trong đó 19 tuổi có 1 người, từ 20 đến 29 tuổi có 36 người chiếm 16,4%, từ 30 đến 39 tuổi có 40 người chiếm 18,6%, từ 40 đến 49 tuổi có 62 người chiếm 28,8%, từ 50 đến 59 tuổi có 41 người chiếm 19,1%, từ 60 đến 69 tuổi có 17 người chiếm 8,0%, từ 70 tuổi trở lên có 19 người chiếm 9,1%.

Giới tính

Có 62,5% đối tượng là nam và 37,5% là nữ. Trong đó nữ có tỉ lệ tham gia đạt trên 40% có các nước và khu vực như Pháp (54%), Séc (46,4%), San Francisco (41,4%), dưới 40% có New

York (39,5%), và thấp từ 20 đến 30% có Campuchia (22,8%), Thái Lan (29,8%), Úc (33,3%).

Tôn giáo

Đa số các đối tượng theo đạo Phật: 158 người, chiếm hơn 60%; đạo Thiên chúa 36 người, chiếm 13,8%; đạo Tin Lành có 9 người; ngoài ra 3 người theo đạo Cao Đài, 2 người Hồi giáo và 48 người trả lời không theo đạo gì, 57 người không trả lời. Xét về tương quan học vấn, người có trình độ phổ thông theo đạo Phật có tỉ lệ cao hơn người có trình độ đại học, 70,9% so với 46,3%, ngược lại người có trình độ đại học theo các đạo Công giáo và Tin Lành với tỉ lệ cao hơn người có trình độ phổ thông, 18,5% và 3,7% so với 10,8% và 3,4%. Xét tương quan giới, nữ theo đạo Phật nhiều hơn nam, còn nam theo Công giáo và Tin Lành nhiều hơn nữ. Xét tương quan khu vực, người theo đạo Phật nhiều nhất là ở Thái Lan (89,3%), Campuchia (66,7%), Pháp (65,9%), người theo đạo Công giáo nhiều nhất ở Úc (38,5%), New York (34,1%).

Trình độ học vấn

Đa số đối tượng có trình độ từ trung học phổ thông đến đại học (202 người), sau đó đến tiểu học và trung học cơ sở (66 người), trên đại học (26 người), ngoài ra có 18 người có chức danh hoặc làm công tác nghiên cứu giảng dạy tại các trường đại học.

Trình độ học vấn của đối tượng tham gia khảo sát

Trình độ	Số người	%
Tiểu học	35	11,2
Trung học cơ sở	31	9,9
Trung học phổ thông	107	34,3
Đại học	95	30,4
Thạc sĩ	10	3,2
Tiến sĩ	16	5,1

Giảng viên đại học	5	1,6
PGS	2	0,6
Nghiên cứu viên	11	3,5
Tổng	312	100,0
Missing	5	
Tổng cộng	317	

Mức sống

Chỉ có 2 người tự đánh giá bản thân có mức sống thượng lưu, đa số ở mức thấp hơn; cụ thể là: trung lưu 198 người chiếm hơn 65%, thấp hơn là 104 người chiếm hơn 34% và 13 người không trả lời. Xét về tương quan học vấn, người có trình độ đại học có tỉ lệ mức sống cao hơn người có trình độ phổ thông: thượng lưu là 1,5% so với 0% ở các mức khác, trung lưu là 73,5% so với 57,9% ở mức thấp hơn. Xét về tương quan giới thì tỉ lệ nữ thuộc trung lưu có nhỉnh hơn nam chút ít. Về tương quan khu vực, người tự xếp mức sống của mình vào mức thượng lưu chỉ có 2 người ở Campuchia và Úc, ngoài ra ở mức trung lưu tỉ lệ cao nhất là người Việt ở Thái Lan 88,9%, Séc 85,7%, San Francisco 76,9%, Pháp 75%, ngoài ra là Úc 53,3%, Campuchia 48,1%, và thấp nhất là New York 45,7%.

II. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

1. Nhận thức về toàn cầu hóa

Đối với câu hỏi hai chọn một rằng *toàn cầu hóa sẽ làm cho ý thức dân tộc ngày càng mạnh hơn hay sẽ mờ nhạt dần đi*, đã có 39,9% người trả lời âm tính cho là *sẽ mờ nhạt dần* và 60,1% người trả lời dương tính cho là *sẽ ngày càng mạnh hơn*. Xét tương quan học vấn, tỉ lệ những người có trình độ phổ thông trả lời dương tính (65,4%) nhiều hơn tỉ lệ những người có trình độ đại

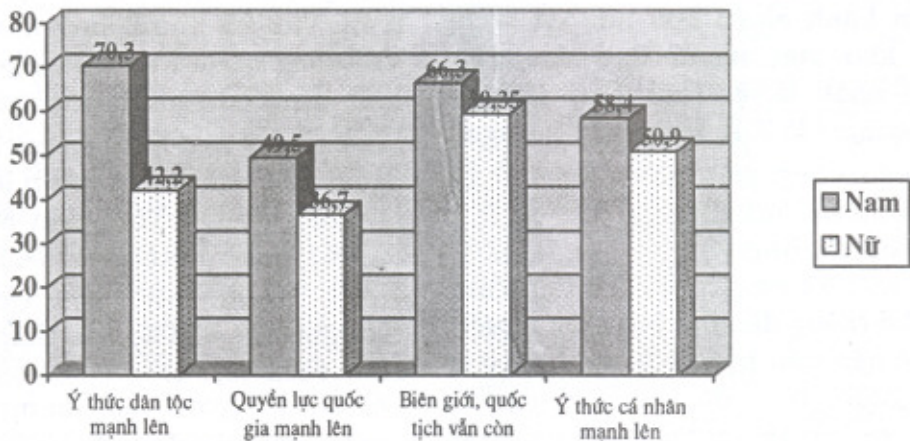
học trả lời dương tính (54,5%). So với kết quả điều tra tương tự ở nước ngoài trên mẫu sinh viên (Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản) thì kết quả trả lời âm tính là xấp xỉ (38%) với kết quả của Việt Nam nhưng trả lời dương tính thì ít hơn hẳn chỉ có 40%.

Tuy nhiên trong câu hỏi tương tự đối với quyền lực quốc gia (ngày một mạnh hơn hay suy yếu đi), số người trả lời không phân hóa nhiều lắm (chênh nhau khoảng 10%) mặc dù trả lời suy yếu đi 55,1% nhiều hơn so với số người trả lời mạnh lên 44,9%. Và điều này hầu như cũng không có sự khác biệt rõ rệt trong tương quan học vấn (giữa những người có trình độ phổ

thông và đại học). Trong khi đó đa số các sinh viên nước ngoài (61%) cho rằng trong toàn cầu hóa quyền lực quốc gia sẽ suy yếu đi, chỉ có 10% cho rằng sẽ mạnh lên.

Đối với câu hỏi: toàn cầu hóa ở thế kỷ XXI sẽ làm cho các khái niệm về biên giới, quốc tịch mất đi hay vẫn tồn tại, số người trả lời lại có sự phân hóa: số người trả lời mất đi chiếm 36,2% so với sinh viên nước ngoài là 35%, ít hơn hẳn số người trả lời vẫn tồn tại chiếm 63,8% so với sinh viên nước ngoài là 52%. Điều này không có sự khác biệt trong tương quan về học vấn.

Nhận thức về toàn cầu hoá: tác động tích cực (tương quan giới)



Cuối cùng trong câu hỏi tương tự đối với ý thức cá nhân (mạnh lên hay mờ nhạt đi) trong xu thế của toàn cầu hóa thế kỷ XXI, số người trả lời lại không phân hóa rõ rệt tuy vẫn có sự khác nhau: số người trả lời dương tính, cho rằng *ý thức cá nhân mạnh lên* chiếm 55,7%, nhiều hơn trả lời âm tính cho rằng *ý thức cá nhân mờ nhạt dần đi* chiếm 44,3%, tương quan học vấn giữa những người có trình độ phổ

thông và đại học là 50,6% so với 60% trong *mạnh lên* và 49,4% và 40% trong *yếu dần đi*, tức là những người có trình độ đại học có tỉ lệ tán đồng với nhận định trong toàn cầu hóa ý thức cá nhân sẽ mạnh lên cao hơn là tỉ lệ tương tự của những người có trình độ phổ thông. Nếu so với sinh viên nước ngoài thì chỉ có 7,5% trả lời suy yếu đi và 75% trả lời mạnh lên.

Xét tương quan giới, tỉ lệ nữ trả

lời dương tính ít hơn nam trong mọi nhận định: ý thức dân tộc mạnh lên (nam 70,3% và nữ 42,2%), quyền lực quốc gia mạnh lên (nam 49,5% và nữ 36,7%), biên giới, quốc tịch vẫn còn (nam 66,3% và nữ 59,35), và ý thức cá nhân mạnh lên (nam 58,4% và nữ là 50,9%). Điều này phải chăng có thể nói rằng dường như nam có thái độ lạc quan đối với toàn cầu hóa hơn nữ.

Xét tương quan khu vực, tỉ lệ cho rằng toàn cầu hóa sẽ làm cho ý thức dân tộc mạnh lên đạt cao nhất là người Việt ở Campuchia 80% trong khi Thái Lan đạt mức 55,6%, người Việt ở San Francisco 75% và các nước Úc (66,7%), Pháp (64,3%) đạt trên 60%, thấp nhất là người Việt ở New York 45,7%, Séc 46,2%. Về tỉ lệ tán đồng với nhận định cho rằng quyền lực quốc gia mạnh lên, người Việt ở Thái Lan đạt mức cao nhất 69,8%, sau đó tới Campuchia 58,5%, San Francisco đạt 55,2%, còn lại tương đối thấp: New York 38,3%, Úc 33,3%, Pháp 23,8% và Séc thấp nhất chỉ có 17,9%. Đối với nhận định biên giới quốc tịch mất đi, tỉ lệ phản đối (cho rằng vẫn còn) cao nhất là người Việt ở New York 84%, Thái Lan 79,2%, San Francisco 67,9%, Campuchia 64,2%, Úc 53,3%, thấp nhất là Séc 22,2% và Pháp là 31,7%. Về ý thức cá nhân mạnh dần lên, người Việt ở New York tán thành với tỉ lệ cao nhất 80,2%, sau đó tới Úc 73,3%, San Francisco 67,9%, Campuchia 60,4%, Thái Lan 53,7%, thấp nhất là Séc 14,8% và Pháp 15%.

Như vậy là trong khi quan điểm của các sinh viên nước ngoài trong khu vực thể hiện không rõ rệt đối với tác động của toàn cầu hóa lên ý thức dân tộc (mạnh lên 40% và yếu đi 38%) thì đa số (60%) những người Việt Nam

ở nước ngoài tham gia khảo sát cho rằng toàn cầu hóa sẽ khiến cho ý thức dân tộc mạnh lên, có lẽ đó là do hoàn cảnh sống khiến cho họ nhận thức được vấn đề này rõ rệt hơn: *dù sống ở đâu (khái niệm biên giới và quốc tịch không còn) thì ý thức dân tộc vẫn có thể được duy trì (mạnh)*. Tuy nhiên đối với vấn đề toàn cầu hóa tác động đến quyền lực quốc gia và ý thức cá nhân như thế nào thì ngược lại không có sự phân hóa rõ rệt trong số người Việt Nam ở nước ngoài tham gia khảo sát, mặc dù số người cho rằng trong toàn cầu hóa, quyền lực quốc gia có thể suy yếu đi và ý thức cá nhân mạnh lên *có nhiều hơn* (khoảng 10%) so với số người quan niệm ngược lại. Trong khi đó sinh viên trong khu vực lại có sự phân hóa rõ rệt đối với quan điểm này: số người quan niệm trong toàn cầu hóa ý thức cá nhân mạnh lên (85%) và quyền lực quốc gia suy yếu đi (65%) đều chiếm đa số. Có thể thấy rằng sinh viên trong khu vực có phần ít nhấn mạnh đến quyền lực quốc gia (phải chăng họ quan niệm rằng sự suy yếu tương đối về quyền lực quốc gia trong xu hướng toàn cầu hóa là tất yếu) song có phần nhấn mạnh hơn đến ý thức cá nhân (phải chăng họ quan niệm rằng quan trọng là trong thời đại mới, con người ngày càng có cơ hội phát huy năng lực cá nhân). Tuy nhiên nhìn chung vẫn có thể nói rằng *thái độ đối với toàn cầu hóa của người Việt Nam ở nước ngoài nhìn chung là tích cực* (bởi cả số người nhận thức rằng ý thức dân tộc và ý thức cá nhân mạnh lên đều chiếm số đông hơn, cho dù số người cho rằng quyền lực quốc gia sẽ yếu dần đi có phần nhỉnh hơn một chút so với số người trả lời sẽ mạnh lên).

Ngoài ra xét về tương quan học vấn, tỉ lệ tổ thái độ tích cực, lạc quan với toàn cầu hóa của người có trình độ học vấn cao (đại học) có cao hơn một chút so với người có trình độ thấp hơn (phổ thông). Xét về tương quan giới thì nam có thái độ tích cực hơn nữ. Còn xét về tương quan khu vực, người Việt Nam ở Thái Lan và Campuchia thái độ có tích cực (điểm trung bình các tiêu chí đều cao) đối với toàn cầu hóa, và có phần tiêu cực ở Séc, Pháp và New York.

2. Nhận thức về công dân toàn cầu

Công dân toàn cầu phải chăng chỉ là một khái niệm lý thuyết?

Về việc có hay không có những công dân toàn cầu, một khái niệm (thuật ngữ) đang ngày càng trở nên phổ biến trong quá trình quốc tế hóa, toàn cầu hóa, đa số người Việt Nam ở nước ngoài (75%) phản đối ý kiến cho rằng công dân toàn cầu chẳng qua chỉ là một khái niệm lý thuyết không có thực, và 77,6% phản đối ý kiến cho rằng công dân toàn cầu chẳng qua chỉ là ý thức của một số người, trên thực tế là không tồn tại, có nghĩa là đa số họ đều công nhận có công dân toàn cầu trên thực tế.

Sự sai khác thể hiện trong tương quan học vấn và giới không rõ rệt, tỉ lệ phản đối với ý kiến công dân toàn cầu chẳng qua chỉ là khái niệm lý thuyết không có thực ở người có trình độ đại học cao hơn người có trình độ phổ thông (80,6% so với 72,3%) và tỉ lệ nam cao hơn nữ (77,8% so với 72,3%).

Về tương quan khu vực, tỉ lệ phản đối với nhận định cho rằng công dân toàn cầu chỉ là khái niệm lý thuyết cao nhất là người Việt ở Campuchia 86%, sau đó đến Mỹ 82%, Séc 78,6%,

Pháp 72%, Thái Lan 59,6%, thấp nhất là Úc 53,3%.

Như vậy là đại đa số người Việt Nam ở nước ngoài công nhận có sự tồn tại của công dân toàn cầu trong thực tế và phủ định việc cho rằng đây chỉ là một khái niệm lý thuyết hoặc ý tưởng cá nhân. Và người có học vấn cao hơn có xu hướng công nhận nhiều hơn người có học vấn thấp hơn, và nam có xu hướng công nhận nhiều hơn nữ. Chỉ có 24,3% đồng ý với những nhận định rằng công dân toàn cầu không có trong thực tế, 19,6% số người trả lời đồng ý với ý kiến: công dân toàn cầu sẽ ra đời trong thế kỷ XXI. Tỉ lệ này của người nước ngoài thấp hơn hẳn: chỉ có 8% sinh viên người Trung Quốc, Đài Loan và Nhật Bản cho rằng công dân toàn cầu chẳng qua chỉ là một khái niệm lý thuyết.

Có 35,3% số người Việt Nam trả lời đồng ý với ý kiến cho rằng ngay xung quanh chúng ta đã có những công dân toàn cầu, trong khi tỉ lệ này của người nước ngoài là 76%. Không có sự sai khác rõ rệt trong tương quan học vấn và giới, riêng về tương quan khu vực, tỉ lệ cao nhất là người Việt ở New York 49,4%, Thái Lan là 38,6%, San Francisco là 37,9%, thấp nhất ở Pháp 16%, Séc 21%.

Ý nghĩa của công dân toàn cầu

Có một sự tương phản rất rõ rệt trong việc đánh giá ý nghĩa của công dân toàn cầu trong bối cảnh hiện nay, đa số người Việt Nam ở nước ngoài (80,4%) không đánh giá cao ý nghĩa của việc đưa ra khái niệm công dân toàn cầu, ngược lại hơn 90% người nước ngoài lại đánh giá cao ý nghĩa của khái niệm này. Xét về tương quan học vấn, ở đây chúng ta có một kết quả hơi khác với việc công nhận sự tồn

tại của công dân toàn cầu, tức là người có trình độ phổ thông có tỉ lệ đánh giá dương tính đối với ý nghĩa của khái niệm công dân toàn cầu chênh lệch nhiều hơn (đến 19%) so với tỉ lệ đó ở những người có trình độ đại học; xét về tương quan giới thì tỉ lệ nữ phủ định cao hơn nam: nữ 88,2% và nam là 75,8%. Xét về tương quan khu vực, có tỉ lệ cao về đánh giá ý nghĩa của khái niệm công dân toàn cầu là người Việt ở Campuchia 45,6%, Thái Lan 40,4%, tỉ lệ thấp nhất là ở New York: không có ai, trong khi ở San Francisco là 13,8%, ở Séc chỉ có 3,6%, ở Pháp 10%, ở Úc 20%.

Rất nhiều người, 72,6%, phủ định cần phải có một số điều kiện mới có thể trở thành công dân toàn cầu. Về tương quan học vấn, ở đây có sự khác biệt khá lớn: những người có trình độ đại học có tỉ lệ phủ định ý kiến cần phải có điều kiện mới có thể trở thành công dân toàn cầu (86,3%) nhiều hơn 25% so với tỉ lệ phủ định của những người có trình độ phổ thông (61,3%). Về tương quan giới, nữ phủ định nhiều hơn nam, nữ 80,7% so với nam là 67,7%.

Chỉ có 27,4% là có ý kiến ngược lại khi cho rằng để trở thành công dân toàn cầu cần phải có một số điều kiện nhất định như học vấn, tiềm lực kinh tế, xét tương quan học vấn thì 38,7% số người có trình độ phổ thông có ý kiến như vậy trong khi tỉ lệ tương tự ở những người có trình độ đại học chỉ là 13,7%. Nếu so với các sinh viên nước ngoài thì tỉ lệ này ở họ là 40% (cho rằng cần phải có một số điều kiện mới có thể trở thành công dân toàn cầu) cao hơn người Việt Nam nói chung song so với người Việt Nam ở khu vực châu Á thì tỉ lệ này thấp hơn, còn so với người Việt ở khu vực Âu, Mỹ thì tỉ lệ này cao hơn hẳn.

Về tương quan khu vực, người Việt Nam ở Campuchia và Thái Lan có tỉ lệ phủ định thấp đối với nhận định cho rằng để trở thành công dân toàn cầu cần phải có một số điều kiện nhất định, trong khi đó đứng đầu tỉ lệ phủ định nhận định này là người Việt ở New York (100%), các nước khác cũng rất cao, Úc 93,3%, Pháp 88%, Séc 75%, San Francisco 72,4%.

Như vậy là, một mặt đa số người tham gia khảo sát khẳng định công dân toàn cầu là có thực song mặt khác ít người cho rằng công dân toàn cầu đã có hoặc đang hoạt động sôi nổi trong cuộc sống, và ít người đánh giá cao khái niệm công dân toàn cầu. Chỉ có 1,9% số người trả lời có ý kiến khác với mọi nhận định về công dân toàn cầu nói trên. Thêm vào đó tỉ lệ ủng hộ khái niệm này (hoặc có thái độ tích cực) ở những người có học vấn thấp hơn lại cao hơn tỉ lệ đó ở những người có học vấn cao hơn. Những sinh viên nước ngoài ở khu vực châu Á cũng khẳng định công dân toàn cầu là có thực song tỉ lệ cho rằng công dân toàn cầu đã tồn tại trên thực tế cao hơn rất nhiều so với người Việt Nam ở nước ngoài, họ cũng đánh giá rất cao, hơn hẳn người Việt Nam, ý nghĩa của khái niệm công dân toàn cầu trong điều kiện hiện nay.

Định nghĩa công dân toàn cầu

Về khái niệm công dân toàn cầu, 47% người trả lời đồng ý với ý kiến cho rằng những người tham gia tích cực các phong trào quần chúng xây dựng khu vực và bảo vệ môi trường là những người gần với khái niệm công dân toàn cầu hơn cả, (cao nhất là người Việt ở Campuchia 66,7%, ngoài ra ở San Francisco 62,1%, Thái Lan 56,1%, thấp nhất là Cộng hòa Séc 10,7%, Úc 26,7%, trung bình có New

York 40,7%, Pháp 42%); 30,6% đồng ý rằng gần với công dân toàn cầu là người luôn tự giác về bản thân là một thành viên của loài người trên trái đất (trong đó cao nhất là người Việt ở Thái Lan đạt 71,9%, Campuchia 56,1%, thấp nhất là New York không có ai, trong khi San Francisco là 20,7%, và Séc là 10,7%, Úc 20%, Pháp 24%); 21,8% đồng ý rằng công dân toàn cầu là người có phẩm chất gần giống với những chính trị gia đóng góp cho nền chính trị quốc tế; 14,8% đồng ý rằng gần giống với người đoạt giải Nobel; 11,7% đồng ý rằng gần giống với người đạt huy chương vàng quốc tế trong Olympic. Tỷ lệ này ở các sinh viên nước ngoài lần lượt là 40%, 100%, 0%, 3,3% và 7%.

Như vậy mặc dù không chiếm đa số (chỉ gần một nửa: 47%) song nhiều người quan niệm một cách khá trung tính về công dân toàn cầu: là những người có *thái độ và hành động vì lợi ích chung* (hoạt động các phong trào quần chúng, xây dựng khu vực và bảo vệ môi trường), chỉ có một số ít quan niệm coi công dân toàn cầu như một *tài năng được thế giới công nhận* (chính trị gia tầm cỡ quốc tế, hay đạt giải huy chương vàng, giải Nobel) mặc dù so với nước ngoài thì tỷ lệ người Việt Nam nghiêng về các nhận định mang tính *tài năng* cao hơn.

Hơn nữa mặc dù khá đông người (hơn 30%) đồng ý với ý kiến cho rằng công dân toàn cầu là người có ý thức chung rộng lớn (ý thức bản thân là thành viên của cả loài người trên trái đất) có nghĩa là không giới hạn về khu vực, quốc gia, dân tộc, song đa số (72,9%) lại phản đối với định nghĩa công dân toàn cầu là người có ý thức nhìn nhận sự việc trên quy mô toàn cầu vượt ra khỏi phạm vi chủng tộc,

dân tộc và quốc gia; trong đó tương quan học vấn là 61,8% và 79,1% giữa người có trình độ phổ thông so với trình độ đại học; tương quan giới là 71,2% và 75,6% giữa nam và nữ. Còn xét về tương quan khu vực thì tỉ lệ tán thành nhận định này cao nhất chỉ có người Việt ở Thái Lan 47,4%, Campuchia 29,8%, ngoài ra thì ở mức khá thấp: khoảng từ 12% (Pháp) cho đến 20% (Úc, Séc, San Francisco). Điều này một lần nữa cho thấy ngay đối với *người Việt Nam đang sống (định cư) ở nước ngoài ý thức dân tộc, quốc gia vẫn rất mạnh*, và càng có học vấn cao lại càng có xu hướng mạnh hơn. Tuy nhiên theo một nghĩa nào đó phải chăng có thể kết luận rằng tính cục bộ của người Việt Nam khá mạnh, nhất là khi so sánh tỷ lệ 27% của người Việt Nam với 100% của người nước ngoài tán thành với nhận định công dân toàn cầu là người có quan điểm nhìn nhận mọi vấn đề vượt ra ngoài khuôn khổ quốc gia, dân tộc. Ngoài ra, không một ai trong số các sinh viên nước ngoài được phỏng vấn (0% so với Việt Nam là khoảng 14%) tán thành với nhận định cho rằng “công dân toàn cầu là người gần giống với các chính trị gia cống hiến cho nền chính trị quốc tế”.

Về định nghĩa công dân toàn cầu, 32,8% số người trả lời đồng ý với định nghĩa công dân toàn cầu là người công dân tự lập mong muốn chung sống với tất cả mọi người trên trái đất, không mâu thuẫn với chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa yêu nước; 32,2% đồng ý với định nghĩa đó là sự kế thừa quan điểm “tự do” và “bình đẳng” mở rộng ra trên quy mô toàn thế giới; 27,1% đồng ý với định nghĩa đó là sự nhìn nhận sự việc trên quy mô toàn cầu vượt quá khuôn

khổ quốc gia, dân tộc; 22,7% đồng ý với định nghĩa là bản sắc mới của loài người nảy sinh trong thời đại toàn cầu hóa và 20,2% đồng ý với định nghĩa là người có quan điểm trái đất không chỉ của riêng loài người, mong muốn chung sống với muôn loài trên trái đất. Tỷ lệ này ở các sinh viên nước ngoài lần lượt là 92%, 44%, 84%, 40%, 60% cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ của người Việt Nam.

Về tương quan học vấn, sự phân hóa rõ rệt chỉ thể hiện trong thái độ đối với định nghĩa công dân toàn cầu là bản sắc mới của loài người nảy sinh trong thời đại toàn cầu hóa trong đó người có học vấn phổ thông ủng hộ định nghĩa này nhiều hơn người có học vấn đại học gần 20%.

Về tương quan giới, không có sự phân hóa rõ rệt giữa các câu trả lời ngoại trừ đối với định nghĩa công dân toàn cầu là người công dân tự lập mong muốn chung sống với tất cả mọi người trên trái đất, tôn trọng sự khác biệt, đa dạng không mâu thuẫn với chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa yêu nước, tỷ lệ nữ tán thành là 21% ít hơn so với nam là 39,9%, chênh lệch gần 19%.

Về tương quan khu vực, tỷ lệ tán thành cao nhất đối với định nghĩa công dân toàn cầu là người công dân tự lập mong muốn chung sống với tất cả mọi người trên trái đất, không mâu thuẫn với chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa yêu nước là tỷ lệ của người Việt ở Campuchia (66,7%) và Thái Lan (54,4%), San Francisco 51,7% (phải chăng có thể cho rằng đây là ý tưởng gần với giáo lý đạo Phật cho nên đạt tỷ lệ cao ở những nơi có nhiều tín đồ Phật giáo). Tỷ lệ tán thành với định nghĩa là sự kế thừa quan điểm "tự do" và "bình đẳng" mở rộng ra trên quy

mô toàn thế giới cao nhất là người Việt ở Mỹ đạt trên dưới 45% (phải chăng vì quan điểm này gần với tư tưởng của Tuyên ngôn độc lập Mỹ), ngoài ra ở các khu vực khác chỉ vào khoảng trên 20%. Đối với định nghĩa công dân toàn cầu là người có quan điểm trái đất không phải của riêng loài người để mong muốn chung sống với muôn loài, tỷ lệ tán thành cao nhất là người Việt ở Thái Lan 45,6% (phải chăng vì đây là nơi có tỷ lệ ăn chay cao), Úc 33,3%, Campuchia 17,5%, Pháp 16 %, và thấp nhất là San Francisco chỉ có 6,9%, Séc 7%, New York 13,6%.

So sánh với các sinh viên nước ngoài, chúng ta thấy rõ một điều là nhận định về công dân toàn cầu của người Việt Nam ở nước ngoài không tập trung lắm có lẽ vì mẫu điều tra sinh viên nước ngoài đồng đều hơn so với mẫu Việt Nam về thành phần. Tuy nhiên nếu chỉ so sánh đơn thuần về mặt thống kê (một cách hơi khiên cưỡng), giống với người nước ngoài, người Việt Nam cũng ủng hộ cao nhất với quan niệm công dân toàn cầu là người có nguyện vọng chung sống hòa bình với mọi dân tộc trên thế giới với sự tôn trọng tính đa dạng khác biệt không mâu thuẫn với chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa yêu nước, mặc dù tỷ lệ ủng hộ quan niệm này của người Việt Nam chỉ chiếm 1 phần 3 số người trả lời trong khi tỷ lệ của người nước ngoài là đại đa số (trên 90%). Tỷ lệ người có quan niệm về công dân toàn cầu là người có cái nhìn về mọi vấn đề rộng mở trên phạm vi toàn cầu chứ không giới hạn ở quốc gia, dân tộc của người nước ngoài cũng cao ở mức đa số (80%) so với của người Việt chỉ ở mức 1/4 số người trả lời. Ngoài ra đối với quan

niệm công dân toàn cầu mang xu hướng bảo vệ môi trường (mong muốn chung sống với muôn loài) người nước ngoài cũng có tỉ lệ ủng hộ nhiều trên quá bán (60%) trong khi người Việt Nam chỉ ở mức 1/5 số người trả lời.

Kết luận

Đối với toàn cầu hóa người Việt Nam ở nước ngoài có thái độ đánh giá tích cực, điều này thể hiện ở kết quả: mặc dù nhiều người lo ngại rằng toàn cầu hóa sẽ làm suy yếu quyền lực quốc gia song đồng thời vẫn nghiêng về sự tán đồng với nhận định rằng toàn cầu hóa không thể xóa nhòa biên giới quốc gia, làm ý thức dân tộc và ý thức cá nhân suy yếu đi mà ngược lại tin tưởng rằng trong thời đại toàn cầu hóa, ý thức dân tộc vẫn rất mạnh. Đặc biệt là, so với tỉ lệ của người nước ngoài trong khu vực (Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan) cho rằng trong điều kiện toàn cầu hóa, ý thức dân tộc vẫn rất mạnh thì tỉ lệ của người Việt Nam ở nước ngoài cao hơn hẳn. Điều này một lần nữa cho thấy ý thức dân tộc của người Việt Nam, dù sống ở đâu, cũng rất cao và không dễ suy yếu ngay cả trong thời đại toàn cầu hóa, mở cửa và hội nhập.

Về mô hình nhân cách của con người sống trong thời đại toàn cầu hóa, mở cửa và hội nhập gọi là "công dân toàn cầu", người Việt Nam ở nước ngoài đã có một nhận thức nhất định thể hiện ở sự nhất trí với nhận định cho rằng công dân toàn cầu là có thật chứ không chỉ là khái niệm lý thuyết, và trên thực tế đã tồn tại xung quanh chúng ta cũng như nhất định sẽ xuất hiện trong thế kỷ XXI. Tuy nhiên nếu so với người nước ngoài thì tỉ lệ nhất trí của người Việt Nam thấp hơn, và nhận thức của người Việt Nam cũng

không nhất quán và phân biệt rõ rệt. Mặc dù đa số người Việt Nam chấp nhận có mô hình nhân cách song lại không đánh giá cao ý nghĩa của mô hình nhân cách này, và về cụ thể đó là mô hình nhân cách như thế nào thì ý kiến lại khá phân tán. Tỉ lệ người nước ngoài trong khu vực khẳng định công dân toàn cầu là có thực và đã tồn tại trên thực tế cao hơn nhiều so với người Việt Nam ở nước ngoài, tỉ lệ đánh giá cao ý nghĩa của khái niệm công dân toàn cầu trong điều kiện hiện nay của họ cũng cao hơn hẳn tỉ lệ đó của người Việt Nam. Trên cơ sở đó họ có được sự nhất trí cao hơn với mô hình nhân cách công dân toàn cầu tập trung vào những phẩm chất mang tính ý thức hơn là kỹ năng: là người luôn có ý thức về tính thành viên của loài người (nghĩ đến lợi ích chung của loài người) chứ không phải chỉ là những người có tài năng xuất chúng tầm cỡ quốc tế. Mặc dù việc so sánh ở đây có phần khiên cưỡng (về mức độ phân bố và đặc tính của mẫu) song vẫn cho chúng ta một kết quả thể hiện tính hai mặt của quy luật nhận thức rằng trong những bối cảnh văn hóa phần nào giống nhau¹ thì nhận thức của con người vẫn có thể khác nhau, và ngược lại là cho dù điều kiện sống thay đổi thì những quan điểm chi phối quá trình nhận thức, chủ yếu hình thành trong thời kỳ hình thành nhân cách cơ bản, vẫn có xu hướng tồn tại lâu dài.

¹ Hơn 60% người Việt Nam ở nước ngoài trong điều tra này có độ tuổi trung niên trở lên vì vậy có thể nói rằng họ có đặc tính văn hóa Việt Nam (hay Á Đông), có quan điểm (ý thức dân tộc mạnh đến mức hơi cục bộ) của người Việt Nam hình thành trong thời kỳ hình thành nhân cách cơ bản.